

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 02/2019/DS-ST

Ngày: 11/01/2019

Về việc: “T/C HĐ vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: -Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

-Bà Trần Thị Minh Tâm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân– Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B.

Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2121/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 2158/2018/QĐST- DS, ngày 06 tháng 12 năm 2018 và Thông báo về việc chuyển thời gian xét xử số 2250/TB-TA, ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1955. Có mặt.

Trú tại: 123 Mai Xuân Thưởng, P. BTX. A, tỉnh B

Bi đơn: Bà Thắm Thị H, sinh năm 1959. Vắng mặt.

Trú tại: ĐTT, xã P, huyện T, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1950. Có mặt.

Trú tại: 123 Mai Xuân Thưởng, P. BTX. A, tỉnh B.

- Ông Trần Bửu Lộc, sinh năm 1962. Vắng mặt.

Trú tại: ĐTT, xã P, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại các bản khai, biên bản công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn Bà Huỳnh Thị T trình bày: Vào ngày 11-12-2016 âm lịch bà Thắm Thị H ở ĐTT, xã P, huyện T, tỉnh B có đến nhà mượn của vợ chồng bà số tiền 60.000.000đ, với mục đích để mua bán bông. Sau đó bà H đã trả 39.000.000đ, còn nợ lại 21.000.000đ hẹn 30-4-

2018 sẽ trả hết nợ gốc và lãi. Tuy nhiên đến hẹn bà H vẫn không trả và bà đã đòi nhiều lần thì vợ chồng bà H hẹn trả dần nhưng vẫn không trả. Nay bà T yêu cầu vợ chồng bà Thẩm Thị H và ông Trần Bửu L phải trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc 21.000.000đ và 8.000.000đ tiền lãi tính từ ngày 11-12 -2016 âm lịch cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay bà Thẩm Thị H vắng mặt nhưng có bản khai, biên bản công khai chứng cứ, biên bản hòa giải thì bà H trình bày: Vào ngày 11/12/2016 âm lịch bà có đứng ra vay dùm cho con rể của bà là Đinh Trương Văn Thọ số tiền vay 60.000.000đ của bà Huỳnh Thị T ở số nhà 123 Mai Xuân Thuởng, P. BTX. A, tỉnh Bnhung khi đến mượn thì bà nói mượn cho bà để về mua bán bông trong dịp tết. Sau đó con rể bà không chịu trả nên bà đã trả bà T 39.000.000đ, còn nợ lại 21.000.000đ hẹn 30-4-2018 sẽ trả hết nợ. Nay vợ chồng bà T, ông Thành đòi bà phải trả hết số nợ nói trên một lần thì bà không có khả năng trả hết một lần nên xin trả thành nhiều lần, mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi trả hết nợ gốc, còn tiền lãi thì bà xin không trả. Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác.

Tại bản khai, biên bản công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày: Ông đồng ý với ý kiến của vợ ông là Huỳnh Thị T. Ngoài ra ông không có ý kiến gì.

Đối với Người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Bửu Lộc: Mặc dù được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Trần Bửu L không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 486 BLDS năm 2015 buộc vợ chồng bà Thẩm Thị H, Trần Bửu L trả cho vợ chồng bà Huỳnh Thị T, Trần Văn T số tiền vay còn nợ là 21.000.000đ cộng lãi phát sinh và phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng : Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Bvụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của vợ chồng bà Huỳnh Thị T Trần Văn T yêu cầu vợ chồng bà Thẩm Thị H, Trần Bửu L trả cho vợ chồng bà số tiền vay còn nợ là 21.000.000đ và tiền lãi theo pháp luật, thì Hội đồng xét xử thấy rằng : Giữa bà Huỳnh Thị T và bà Thẩm Thị H có quen biết thông qua người con rể của bà H, do đó vào ngày 11/12/2016 âm lịch, nhằm ngày 08/01/2017 dương lịch, bà Thẩm Thị H có đến nhà bà

T vay số tiền 60.000.000đ để mua bán bông trong dịp tết, hạn 01 tháng sẽ trả gốc và lãi. Sau nhiều lần đòi nợ thì vợ chồng bà H chỉ trả 39.000.000đ tiền gốc mà chưa trả lãi và còn nợ tiền gốc là 21.000.000đ. Đến ngày 10/3/2018(AL) Hồng có viết giấy tiếp tục hạn đến 30/4/2018 sẽ trả hết nợ. Đến nay vợ chồng bà H vẫn chưa chịu trả hết nợ nên bà đã đòi nhiều lần thì vợ chồng Hồng tiếp tục hạn vẫn không trả. Vì bà Hồng vay tiền của bà T về mua bán bông phục vụ nhu cầu gia đình, ông Lộc biết việc này và cũng có hứa sẽ trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả. Do đó bà T kiện yêu cầu vợ chồng bà H trả nợ gốc và lãi theo lãi suất của pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể cách tính lãi suất từ 08/01/2017 đến ngày 11/01/2019 là 02 năm 03 ngày X 20%/ năm x 21.000.000đ thành tiền là 8.434.000đ. Như vậy buộc vợ chồng bà H ông Lộc trả cho vợ chồng bà T ông Thành tổng cộng số tiền 29.434.000đ.

Xét yêu cầu của bà Thẩm Thị H xin trả dần nhưng bà T không đồng ý nên không thể thỏa mãn yêu cầu của bà H. Riêng đối với việc ông Trần Bửu Lkhông có ý kiến trình bày nên Tòa không xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí DSST: Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc vợ chồng bà Thẩm Thị H, Trần Bửu Lcùng phải chịu 1.471.000đ về án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước. Trả lại cho bà T 525.000đ tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002512, ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 35, 39, 227, 228, 233 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị Quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc vợ chồng bà Thẩm Thị H, Trần Bửu Lphải trả cho vợ chồng bà Huỳnh Thị T Trần Văn T số tiền 29.434.000đ (trong đó tiền gốc là 21.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 11/01/2019 là 8.434.000đ).

Bác yêu cầu xin trả dần của bà Thẩm Thị H.

Về án phí DSST: Buộc vợ chồng bà Thẩm Thị H, Trần Bửu Lcùng phải chịu 1.471.000đ sung vào công quỹ nhà nước. Hoàn trả cho bà Tuyết 525.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002512, ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án(ngày 11/01/2019). Đương sự vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Bích Thủy